

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05/4/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Hùng và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị V, sinh năm: 1985; địa chỉ: Khố 20/7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1974, Nơi ĐKKHKT: Khố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Khố 20/7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2022, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn chị Trịnh Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 12/5/2016. Quá trình chung sống sau khi kết hôn diễn ra bình thường được năm đầu, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không thể hòa hợp. Mặc dù sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Đến nay tình cảm không còn nên không thể kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc này. Vì vậy chị Vân đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trịnh Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H có 01 con chung là: Nguyễn Trường A, sinh ngày 26/7/2018. Khi ly hôn chị V đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Về con riêng: Chị Trịnh Thị V có 01 người con riêng là Bùi Bảo L, sinh ngày 06/7/2010, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Xuân H. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị Vân có mặt, anh H vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh H theo quy định của pháp luật. Đến nay anh H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị V.

Quá trình xác minh tại địa phương: Anh H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Tuy nhiên anh H đi đâu làm gì không báo chính quyền địa phương. Giữa chị V và anh H cuộc sống không được hòa thuận, đến nay không còn chung sống với nhau. Đối với con chung vì con còn nhỏ nên giao cho chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và học tập cho con chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị V, cho chị Trịnh Thị V ly hôn với anh Nguyễn Xuân H; giao con chung của chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H là Nguyễn Trường A, sinh ngày 26/7/2018 cho chị Trịnh Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Về con chung, quan hệ tài sản không có nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị buộc chị Trịnh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị V với anh Nguyễn Xuân H thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị V nộp đơn khởi kiện, anh H có nơi ĐKKTT tại khối T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật

tổ tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 17/3/2023, anh H vắng mặt Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 05/4/2023, anh H vắng mặt không có lý do, chị Vân có đơn xin vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào ngày 12/5/2016; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị V và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị V có đơn xin ly hôn với anh H do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay bất hòa. Quá trình xác minh cũng phù hợp với trình bày của chị Trịnh Thị V, hiện tại chị Vân và anh H đã không còn chung sống, do bất hòa, anh H không có ý kiến gì về việc chị V xin ly hôn. Vì vậy HĐXX thấy rằng hôn nhân của chị V và anh H có mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ. Do đó căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trịnh Thị V, cho chị Trịnh Thị V ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H có 01 con chung là: Nguyễn Trường A, sinh ngày 26/7/2018. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng hiện tại cháu A đang được chị V trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng con chị V vẫn đảm bảo về mọi mặt cho con chung. Anh H không có ý kiến về việc giao nuôi con chung. Do đó để cháu A có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Về con riêng: Chị Trịnh Thị V có 01 người con riêng là Bùi Bảo L, sinh ngày 06/7/2010, không yêu cầu giải quyết; nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Hội đồng xét xử xét thấy chị Trịnh Thị V thuộc trường hợp phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trường A, sinh ngày 26/7/2018 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Trịnh Thị V có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Chị Trịnh Thị V có 01 người con riêng là Bùi Bảo L, sinh ngày 06/7/2010, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị V phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0007577 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, chị Trịnh Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị V và anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND thị trấn T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

